

Leng Su Sín, ngày 18 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2025

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên gọi: Trường PTDTBT Tiểu học Leng Su Sín

2. Địa chỉ: Bản Suối Voi, xã Sín Thầu, tỉnh Điện Biên.

Điện thoại: 0334314994

Email: hongntm917@gmail.com

Website: http:

3. Loại hình: Trường công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mạng: Tạo dựng môi trường giáo dục thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao.

4.2. Tầm nhìn: Trường là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương, là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, nơi giáo viên và học sinh luôn năng động, sáng tạo và vươn tới thành công.

4.3. Hệ thống giá trị cơ bản:

- Đoàn kết - Trách nhiệm.

- Thân thiện - Kỉ luật.

- Năng động - Sáng tạo

- Khát vọng - Vươn lên

4.4. Mục tiêu

Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường PTDTBT Tiểu học Leng Su Sín, xã Leng Su Sín, tỉnh Điện Biên Tính đến nay, Trường đã trải qua 15 năm xây dựng, phát triển và ngày càng hoàn thiện. Từ khi thành lập đến nay, nhà trường dần dần khẳng định vị thế của mình và đã gặt hái được nhiều thành tích, xứng đáng là một trong những trường trọng điểm chất lượng của ngành Giáo dục huyện Mường Nhé.

Nhiều năm liền nhà trường được công nhận là Tập thể lao động tiên tiến, năm học 2024-2025, đạt Tập thể lao động xuất sắc.

Năm 2018, trường được UBND tỉnh Điện Biên công nhận đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 11/6/2018.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Nguyễn Thị Minh Hồng

Chức vụ: Hiệu trưởng

Điện thoại: 0334314994

Email: hongntm917@gmail.com

Website:

7. Tổ chức bộ máy:

7.1. Trường PTDTBT Tiểu học Leng Su Sìn được thành lập từ ngày 18/08/2009 theo Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân huyện Mường Nhé.

7.2. Quyết định kiện toàn hội đồng trường số 268/QĐ-UBND, ngày 05 tháng 03 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân huyện Mường Nhé.

Danh sách các thành viên của Hội đồng trường:

- Bà Nguyễn Thị Minh Hồng, Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng
- Ông Lò Văn Biên, P. Bí thư CB, P. Hiệu trưởng, CT CĐCS - Phó CT HĐ
- Ông Đặng Văn Nghiệp, Phó Hiệu trưởng - Phó CT Hội đồng
- Phạm Văn Phong, Giáo viên - Thư ký Hội đồng
- Bà Kiên Thị Thời, Tổ trưởng CM Tổ khối 1 - Thành viên
- Bà Lê Thị Dung, Tổ Phó CM tổ khối 1 - Thành viên
- Bà Phùng Thị Dương, Tổ trưởng CM tổ 2+3 - Thành viên
- Bà Lê Thị Toan, Tổ Phó CM tổ 2+3 - Thành viên
- Bà Đào Thị Thoa, Tổ trưởng CM tổ 4+5 - Thành viên
- Ông Hoàng Văn Triều, Tổ Phó CM tổ 5+5 - Thành viên
- Ông Hà Văn Khâm, Tổ trưởng tổ Hành chính VP - Thành viên
- Bà Nguyễn Hằng Nga, Nhân viên, Bí thư Chi đoàn trường - Thành viên
- Ông Lý Lóng Xè, Trưởng ban đại diện CMHS - Thành viên

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

* Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Minh Hồng
- Quyết định số: 1492/QĐ-UBND về việc điều động và bổ nhiệm viên chức của UBND huyện Mường Nhé ngày 16 tháng 12 năm 2022.

* Phó hiệu trưởng: Lò Văn Biên
- Quyết định số: 637/QĐ-UBND về việc điều động và bổ nhiệm viên chức của UBND huyện Mường Nhé ngày 18 tháng 06 năm 2021.

* Phó hiệu trưởng: Đặng Văn Nghiệp
- Quyết định số: 1538/QĐ-UBND về việc bổ nhiệm viên chức của UBND huyện Mường Nhé ngày 21 tháng 12 năm 2022.

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

Trường PTDTBT Tiểu học Leng Su Sìn hoạt động theo cơ chế nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động toàn phần; Thực hiện theo Thông tư số 28/2020/TT- GDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Điều lệ trường tiểu học.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần

đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn.

Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

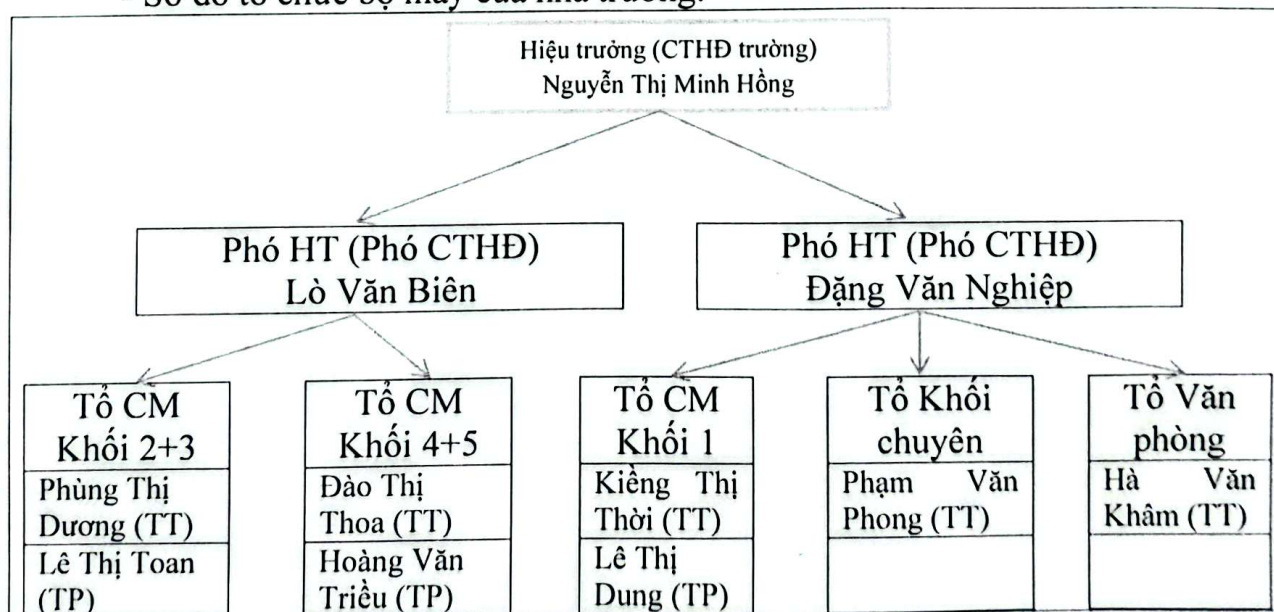
Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

Xây dựng môi trường văn hóa - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hóa - giáo dục ở địa phương.

Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường:



8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Nhà trường đã ban hành Quyết định số 37/QĐ-THLSS ngày 08/09/2024 của Trường PTDTBT Tiểu học Leng Su Sìn về Quyết định ban hành Quy chế làm việc của nhà trường; Quyết định số 81/QĐ-THLSS ngày 13/09/2024 Quyết định ban hành Quy tắc ứng xử trong cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động Trường PTDTBT Tiểu học Leng Su Sìn; Quyết định số 82/QĐ- THLSS ngày 13/09/2024 Quyết định ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường Tiểu Leng Su Sìn từ năm học 2024-2025; Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường;...

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

S T T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp Hạng			
			TS	Th S	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	32	0	0	29	1	1	1	2	19	10	25	4	0	0
I	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	7			7					7		6	2		
1	Tiếng dân tộc	0													
2	Ngoại ngữ	1			1					1		1			
3	Tin học	1			1					1			1		
4	Âm nhạc	1			1					1		1			
5	Mỹ thuật	1			1					1		1			
6	Thể dục	2			2					2			1		
7	TPT Đội	1			1					1		1			
8	GV tiểu học	19			19					12	7	17	2		
II	Cán bộ quản lý	3			3					1	2	3			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2					1	1	2			
II I	Nhân viên	3				1	1	1	2						
1	Nhân viên văn thư	0													
2	Nhân viên kế toán	0													
3	Thủ quỹ	0													

4	Nhân viên y tế	1					1		1						
5	Nhân viên thư viện	1				1			1						
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0													
7	Nhân viên Công nghệ thông tin	0													
8	Nhân viên Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0						1							
9	Nhân viên bảo vệ, phục vụ	1													

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

Nội dung	Số lượng	Ghi chú
I. Cơ sở vật chất		
1. Phòng học		
Số phòng học	28	
Phòng học kiên cố	19	
Phòng học bán kiên cố	9	
2. Phòng chức năng		
Phòng giáo dục rèn luyện thể chất hoặc nhà đa năng	0	
Phòng giáo dục nghệ thuật	0	
Thư viện	1	
Phòng thiết bị giáo dục	1	
Phòng hoạt động Đội	1	
Phòng truyền thống		
Phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật hòa nhập.	0	
3. Điểm trường		
Số điểm trường	5	
Tổng diện tích đất	11141	
Diện tích sân chơi, bãi tập	4000 m ²	
Diện tích phòng học	1098 m ²	

Diện tích thư viện	42 m ²	
Diện tích nhà đa năng	250 m ²	
Diện tích phòng khác (bếp...)	30m ² 102m ²	Nhà bếp Nhà ăn
II. Thiết bị dạy học tối thiểu		
Khối lớp 1	5	Bộ đồ dùng
Khối lớp 2	5	Bộ đồ dùng
Khối lớp 3	4	Bộ đồ dùng
Khối lớp 4	3	Bộ đồ dùng
Khối lớp 5	3	Bộ đồ dùng
Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập	32 cái	
Tivi	1 Chiếc	
Cát xét	0	
Đầu Video/ đầu đĩa	1 cái	
Máy chiếu	8 cái	
Amplify, đầu lọc	0	
Thiết bị khác	0	
III. Thư viện		
Sách nghiệp vụ	40	Đầu sách
Sách tham khảo	180	Đầu sách
Sách thiếu nhi	122	Đầu sách
Tài liệu khác	3460	Đầu sách

IV.	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/nữ	Chung	Nam/nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		6		0,06
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
V	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
VI	Nguồn điện (lưới. phát điện riêng)	x	
VII	Kết nối internet	x	
VIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường		x
IX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá; Hàng năm nhà trường tổ chức tự đánh giá và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

Trong những năm học qua, nhà trường đã thực hiện công tác tổ chức và quản lý đúng quy định. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của nhà trường về cơ bản có đủ số lượng (tính cả hợp đồng), trình độ đào tạo của giáo viên đạt chuẩn cao đáp ứng yêu cầu về chuẩn đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đáp ứng về yêu cầu nhiệm vụ công tác và làm việc với tinh thần trách nhiệm cao; đảm bảo về chất lượng giáo dục học sinh hàng năm. Học sinh của nhà trường đảm bảo quy định về độ tuổi, luôn có ý thức thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quy định của học sinh, được đảm bảo các quyền theo quy định. Nhà trường thường xuyên tham mưu với các cấp lãnh đạo, phối hợp với Ban đại diện CMHS, vận động nhiều nguồn kinh phí khác nhau để xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị dạy học phục vụ cho việc giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh. Nhờ thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, nhà trường đã tạo được mối quan hệ bền vững giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Bên cạnh việc thực hiện tốt các hoạt động giáo dục trong đó chú trọng hoạt động dạy - học và rèn luyện năng lực, phẩm chất, nhà trường còn chú ý đến việc tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các hoạt động chăm sóc sức khỏe, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh nên hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường hàng năm luôn đạt và vượt kế hoạch đã đề ra.

Tuy nhiên, nhà trường cũng còn một số hạn chế nhất định, tình hình cơ sở vật chất chưa đáp ứng kịp thời trong tình hình phát triển kinh tế - xã hội nói chung, sự phát triển đi lên của ngành giáo dục nói riêng. Mặt khác, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cũng còn bộc lộ những hạn chế nhất là ở lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy, việc soạn giảng giáo án điện tử chưa thường xuyên, đồng đều ở tất cả các môn học.

Nhà trường đã mô tả đúng thực trạng, phân tích những ưu điểm, khuyết điểm, đưa ra kế hoạch cải tiến trong thời gian đến. Dựa trên những tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, nhà trường tự đánh giá:

1. Mức 1: Đạt 27/27 tiêu chí - Tỷ lệ: 100%; Không đạt: 0 tiêu chí - Tỷ lệ: 0%
2. Mức 2: Đạt 27/27 tiêu chí - Tỷ lệ: 100%; Không đạt: 0 tiêu chí - Tỷ lệ: 0%
3. Mức 3: Đạt 07/19 tiêu chí - Tỷ lệ: 36,8%; Không đạt: 12/19 tiêu chí - Tỷ lệ: 63,2%.
4. Mức 4: Đạt 0/5 tiêu chí - Tỷ lệ: 0%; Không đạt: 5/5 tiêu chí - Tỷ lệ: 100%.

Căn cứ Mục c, Khoản 2, Điều 34; Khoản 2, Điều 37 của Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD&ĐT Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học; Với các chỉ số và tiêu chí đạt yêu cầu tự đánh giá như trên trường PTDTBT Tiểu học Leng Su Sìn đạt:

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: đạt Mức 2.
- Cơ sở giáo dục phổ thông đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm. Nhà trường được đoàn đánh giá ngoài của Tỉnh công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, chuẩn Quốc gia mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC (Theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư)

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1	Kết quả tuyển sinh NH 2024-2025	94	94	0	0	0	0
2	Số học sinh	475	94	96	120	85	80
3	Số lớp	20	5	5	4	3	3
4	Sĩ số bình quân	24	19	20	30	29	27
5	Số học sinh học 2 buổi/ngày	24	19	20	30	29	27
6	Số học sinh dân tộc	465	93	93	115	84	80
7	Số học sinh khuyết tật	8	2	1	3	1	1
8	Số học sinh thuộc diện chính sách	475	94	96	120	85	80
9	Số học sinh chuyển đi	7	0	2	2	1	1
10	Số học sinh chuyển đến	5	1	2	1	1	0

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HỌC SINH TIỂU HỌC

- Đánh giá theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT)

TS HS	Tiếng Việt						Toán						HSKT Đánh giá theo sự TB
	HTT		HT		CHT		HTT		HT		CHT		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
473	201	43.2	264	56.8	0	0	225	48.4	240	51.6	0	0	8

TS HS	Năng lực chung												HSKT Đánh giá theo sự TB
	Tự chủ và tự học						Giao tiếp và hợp tác						
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
473	292	62.8	173	37.2	0	0	292	62.8	173	37.2	0	0	8

TS HS	Năng lực chung	Năng lực đặc thù	HSKT Đánh
	Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Ngôn ngữ	

	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		giá theo sự TB
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
473	292	62.8	173	37.2	0	0	282	60.6	183	39.4	0	0	8

TS HS	Năng lực đặc thù												HSKT Đánh giá theo sự TB
	Tính toán						Khoa học						
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
473	171	60.6	106	37.6	0	0	171	60.6	106	37.6	0	0	8

TS HS	Năng lực đặc thù												HSKT Đánh giá theo sự TB
	Thẩm mỹ						Thể chất						
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
473	290	62.2	175	37.6	0	0	292	62.7	173	37.1	0	0	8

TS HS	Năng lực đặc thù												HSKT Đánh giá theo sự TB
	Công nghệ						Tin học						
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
282	171	60.6	106	37.6	0	0	171	60.6	106	37.6	0	0	8

TS HS	Phẩm chất chủ yếu												HSKT Đánh giá theo sự TB
	Yêu nước						Nhân ái						
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
473	378	81.3	87	18.7	0	0	370	79.6	95	20.4	0	0	8

TỔNG HỢP KẾT QUẢ CUỐI NĂM HỌC 2024-2025

		Sĩ số	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	93 (100%)	96 (100%)	119 (100%)	93 (100%)	84 (100%)	78 (100%)
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường	193 (40,8%)	45 (48,3%)	40 (38,7)	46 (32,1%)	27 (32,1%)	35 (44,9%)

	(tỷ lệ so với tổng số)						
	Trong đó: Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	111 (23,5%)	28 (30,1%)	28 (29,2%)	26 (21,9%)	14 (16,7%)	15 (19,2%)
	Học sinh khen từng mặt/tiêu biểu (tỷ lệ so với tổng số)	82 (17,3%)	27 (29%)	28 (16,8%)	20 (16,7%)	14 (16,7%)	20 (25,6%)
	Học sinh nhận thư khen (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	1	0	0	1
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

ĐƠN VỊ : TRƯỜNG PTDTBT TH LÊNG SƯ SÌN

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Mã số	Số Báo Cáo	Số đối chiếu kết quả	Chênh Lệch
A	B	C	1	2	3=2-1
I	Hoạt động hành chính sự nghiệp				
1	Doanh thu (01=02+03+04)	1			
	a. Từ NSNN cấp	2	13,984,605,930	13,984,605,930	
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	3			
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ để lại	4			
2	Chi phí (05=06+07+08)	5			
	a. Chi phí hoạt động	6	13,984,605,930	13,984,605,930	
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	7			
	c. Chi phí hoạt động chi phí	8			
3	Thặng dư/ thâm hụt (09=01-05)	9			
II	Hoạt động sản Xuất, kinh doanh dịch vụ				
	1. Doanh thu	10	1,100,045,554	1,100,045,554	
	2. Chi phí	11	722,439,544	722,439,544	
	3. Thặng dư/ thâm hụt (12=10-11)	12			

			377,606,010	377,606,010	
III	Hoạt động tài chính				
	1. Doanh thu	20			
	2. Chi phí	21			
	3. Thặng dư/ thâm hụt (22=20-21)	22			
IV	Hoạt động khác		-	-	
	1. Doanh thu	30			
	2. Chi phí	31			
	3. Thặng dư/ thâm hụt (32=30-31)	32			
V	Chi phí TNDN	40			
VI	Thặng dư/ thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	50			
	1. Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	51			
	2. Phân phối cho các quỹ	52	24,500,000	24,500,000	
	3. Kinh phí cải cách tiền lương	53			

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP CHO HỌC SINH
DIỆN HỘ NGHÈO, HỌC SINH KHUYẾT TẬT NĂM HỌC 2024-2025**

Đơn vị: đồng

STT	Tên học sinh	Học kỳ I				Học Kỳ II				Tổng số tiền cả năm học 2024-2025
		Diện hộ nghèo		HS khuyết tật, HS mồ côi cả cha lẫn mẹ		Diện hộ nghèo		HS khuyết tật, HS mồ côi cả cha lẫn mẹ		
		Số tháng	Số tiền	Số tháng	Số tiền			Số tháng	Số tiền	Số tháng
1	Sùng A Văn	4	600,000			5	750,000			1,350,000
2	Lý Văn Hiếu	4	600,000			5	750,000			1,350,000
3	Và Thị Yến Si	4	600,000			5	750,000			1,350,000
4	Vàng Ngọc Kim	4	600,000			0	-			600,000
5	Lý Xuân Phong	4	600,000			5	750,000			1,350,000
6	Giảng Ngọc Lan	4	600,000			5	750,000			1,350,000
7	Vàng Thị Thu					5	750,000			750,000
	Tổng		3,600,000			30	4,500,000			8,100,000

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Chi bộ:** Năm 2024: 100% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, có 05 đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Chi bộ xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” theo Quyết định số 2094-QĐ/HU của Huyện ủy Mường Nhé ngày 23/01/2025.
- Công đoàn:** Hoàn thành Tốt nhiệm vụ.
- Đội TNTP HCM:** Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ năm học 2024-2025.

Đạt Liên đội mạnh cấp huyện.

4. Chuyên môn:

4.1. Giáo viên

Giáo viên	Xếp loại hoàn thành nhiệm vụ	%	0
	Xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	%	15
	Xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ	%	85
	Lao động tiên tiến	%	100
	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Người	5
	Giáo viên dạy giỏi cấp trường	Người	10
	Giáo viên dạy giỏi cấp huyện	Người	11
	Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh	Người	1
	Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học	Lần	2 lần cấp trường 18 lần cấp tổ
	Sáng kiến, đề tài đề nghị cấp trên công nhận	Đề tài	11

4.2. Học sinh

Kết quả tham gia các cuộc thi cấp trên

	Nội dung	Cấp khen	Kết quả đạt được năm học 2024-2025
Học sinh	Cuộc thi Olympic Tiếng Anh (IOE)	Huyện	01 học sinh được vinh danh, chứng nhận đạt giải khuyến khích
	Cuộc thi Olympic Tiếng Anh (IOE)	Tỉnh	01 học sinh được vinh danh, chứng nhận đạt giải khuyến khích

Trên đây là Báo cáo thường niên trong năm 2025 của Trường PTDTBT Tiểu học Leng Su Sìn theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Nay nhà trường báo cáo công khai trên bản tin nhà trường và trong cuộc họp VC-NLĐ nhà trường để các cấp quản lý, VC-NLĐ cha mẹ học sinh, học sinh nhà trường và nhân dân trên địa bàn được biết./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- CB, GV, NV nhà trường;
- Ban đại diện CMHS trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Minh Hồng